

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-4-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Mạnh Biện

2. Bà Vũ Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2018/TLST - HNGĐ ngày 13/12/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/ QĐST- HNGĐ ngày 15/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Thùy D**, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký cư trú: Tổ 9, ấp ThT, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở: Tổ 3, ấp 3B, xã MH, huyện ChTh, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký cư trú và chỗ ở: Tổ 9, ấp ThT, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 12/12/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy D trình bày: Bà và ông Nguyễn Quốc T tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước vào ngày 28/6/2013. Sau

khi kết hôn bà và ông T sống chung với gia đình ông T tại tổ 9, ấp ThT, xã Th Lg, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, ông T thường đi nhậu, không chăm lo cho vợ con dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, xô xát với nhau. Quá trình chung sống, bà và ông T có 2 con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 07/02/2012 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 05/7/2014. Ngoài ra không có nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà không có mang thai. Từ tháng 11/2017, bà đã dẫn hai con ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống và ly thân với ông T cho đến nay. Hiện tại vợ chồng không ai quan tâm đến ai.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Nguyễn Quốc T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, ông T không có bản khai tại Tòa án.

Tòa án nhân dân thị xã Bình Long đã xác minh đối với bà Lại Thị Ng là mẹ của ông Nguyễn Quốc T và được bà Ng cung cấp: Ông T đi làm công nhân, hàng ngày ông T đi làm từ 5 giờ sáng đến 17 giờ 30 phút về đến nhà. Từ năm 2014 đến năm 2017 vợ chồng ông T, bà D về chung sống với gia đình bà tại tổ 9, ấp Th T, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống với gia đình bà, bà thấy vợ chồng ông T, bà D thường xuyên cãi nhau to tiếng, thỉnh thoảng hai vợ chồng xảy ra xô xát (đánh nhau). Đến cuối năm 2017 bà D đưa hai con đi xuống xã MH, huyện ChTh, tỉnh Bình Phước thuê nhà trọ ở để đi làm. Hiện tại ông T, bà D không còn chung sống với nhau.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy D được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Quốc T. Giao hai con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 07/02/2012 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 05/7/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí bà D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy D (Sau đây gọi tắt là bà D) khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Quốc T (Sau đây gọi tắt là ông T) theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn ông T hiện đang cư trú tại tổ 9, ấp ThT, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông T nhưng tại phiên tòa, ông Tuấn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012. Tuy nhiên, đến ngày 28/6/2013 bà D và ông T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th L, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn của bà D và ông T là đúng theo quy định tại Điều 9 và không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng:* Căn cứ biên bản xác minh ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long tại ấp ThT, xã Th L, thị xã BL, tỉnh Bình Phước thể hiện: Quá trình chung sống, bà D và ông T thường xuyên cãi vã nhau,

có lúc xô xát với nhau, quan hệ hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 11 năm 2017 bà D đã đưa 02 con ra ở riêng, không còn chung sống cùng với ông T cho đến nay. Nội dung biên bản xác minh trên là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà Lại Thị Ng là mẹ của ông T và lời trình bày của bà D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

[4] *Về hòa giải đoàn tụ*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bị đơn ông T vắng mặt không có lý do trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T.

[5] *Căn cứ pháp lý*: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T trở nên trầm trọng, bà D và ông T đã sống ly thân với nhau trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà D đối với bị đơn ông T.

[6] *Về con chung*: Bà D và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 07/02/2012 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 05/7/2014. Xét thấy, từ khi bà D sống ly thân với ông T, bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con, hiện tại 02 con vẫn đang sinh sống với bà D và đi học ở xã MH, huyện Ch Th, tỉnh Bình Phước. Cháu Nguyễn Tiến Đ có nguyện vọng được sống cùng với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Hiện tại bà D có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Do đó, cần giao Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Tiến Đ cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định tâm lý, học tập và phát triển mọi mặt của hai cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định “ Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn” “Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình...không có giá ngạch án phí là 300.000 đồng. Do đó, nguyên đơn bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông T không phải chịu án phí.

[9] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà D được ly hôn với bị đơn ông T. Giao hai con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 07/02/2012 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 05/7/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí bà D phải chịu theo quy định của pháp luật là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục án phí lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy D.

Bà Bùi Thị Thùy D được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 07/02/2012 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 05/7/2014 cho bà Bùi Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông Nguyễn Quốc T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đồng bà D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004359 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Ông Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- UBND xã Thanh Lương, Tx Bình Long
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Đức